TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NHẰM PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC VIỆT NAM HIỆN NAY

LÊ THỊ SỰ *

Từ khóa: *trí thức, vai trò của trí thức, công tác đào tạo, giáo dục đại học.*

Ngày nhận bài: 12/12/2019; ngày gửi phản biện: 13/12/2019; ngày duyệt đăng bài: 10/02/2020.

1. Một số vấn đề chung

Thuật ngữ "trí thức" có nguồn gốc từ tiếng Latinh - "Intelligentia", có nghĩa là sự hiểu biết, sự thông thái, thông minh, trí tuệ,… Cho đến nay, vẫn còn rất nhiều cách hiểu khác nhau về trí thức do tính đặc thù về hoàn cảnh xuất thân, sự liên kết bên trong nó lẫn quan điểm riêng của mỗi nhà nghiên cứu. Trên thế giới có khoảng 60 định nghĩa về trí thức. Mỗi định nghĩa đều có mặt hợp lí của nó nhưng không thể xem là hoàn chỉnh vì mỗi định nghĩa sẽ phù hợp với một điều kiện xã hội nhất định mà không thể phù hợp cho mọi xã hội dù đó là định nghĩa được ghi chép trong các bách khoa thư. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng quan niệm: *Trí thức là những người lao động trí óc phức tạp mang tính sáng tạo cao, có khả năng tư duy độc lập và chính kiến rõ ràng, đem trình độ học vấn và trình độ chuyên môn áp dụng vào trong thực tiễn, góp phần quan trọng thúc đẩy xã hội phát triển.*

Xuất phát từ khái niệm trí thức và thực tế hiện nay ở Việt Nam, số lượng trí thức Việt Nam bao gồm những người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có những đóng góp cho sự phát triển tiến bộ của xã hội; những người tự đào tạo, học hỏi để đạt đến một trình độ chuyên môn của người trí thức và có những đóng góp trong thực tiễn sản xuất; bộ phận trí thức Việt Nam ở nước ngoài. Có thể thấy, trí thức là một tập hợp mở và đa dạng, để thống kê được số lượng trí thức Việt Nam hiện nay cần có sự điều tra, thống kê từ các bộ phận đó. Thực tế, không thể có một số liệu nào có thể phản ánh được tất cả các bộ phận trên vì chúng thay đổi liên tục và luôn bao gồm những bộ phận đặc thù. Chẳng hạn, rất khó để có thể loại trừ ra trong lực lượng nhân lực có trình độ cử nhân trở lên, những ai không thực hiện đầy đủ chức năng, vai trò của người trí thức để loại bỏ họ ra khỏi hàng ngũ trí thức; ngược lại, cũng rất khó để thống kê được những bộ phận lao động nào chưa đạt trình độ cử nhân trở lên

* TS.; Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

nhưng đã thực hiện đầy đủ chức năng và vai trò của người trí thức,… Vì vậy, để đưa ra con số chính xác tuyệt đối về số lượng đội ngũ trí thức là điều khó khăn. Tuy nhiên, trí thức có vai trò hết sức to lớn trong quá trình phát triển đất nước hiện nay, định lượng họ để xây dựng giải pháp phát triển đội ngũ này là một việc cần thiết. Có thể xác định một cách tương đối số lượng đội ngũ trí thức ở Việt Nam hiện nay bao gồm số lượng người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên và bộ phận trí thức Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Với quan điểm nhất quán coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, nguồn nhân lực là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất cho quá trình phát triển, rất nhiều các chính sách cụ thể của Việt Nam đã làm cho số lượng đội ngũ trí thức tăng lên hàng năm. Đến năm 2017, ước tính cả nước có khoảng 6,5 triệu người có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, tăng hơn 3,7 triệu người so với năm 2009 (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2019, tr. 122).

Với số lượng đông đảo như vậy, đội ngũ trí thức trở thành lực lượng xã hội quan trọng có vai trò to lớn trong quá trình phát triển đất nước hiện nay. Trí thức cung cấp những luận cứ khoa học và những phản biện khách quan để xây dựng, hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, xây dựng nền chính trị ổn định; trí thức là bộ phận cơ bản trong nguồn nhân lực chất lượng cao (cùng với các nhà quản lí, đội ngũ doanh nhân và công nhân trình độ cao), là lực lượng sản xuất trực tiếp quyết định việc nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế của quá trình sản xuất vật chất bằng cách tiên phong ứng dụng và triển khai những thành tựu khoa học hiện đại; trí thức là lực lượng chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; trí thức là lực lượng quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam khoa học, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là lực lượng có những đóng góp quan trọng trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Mặc dù vậy, việc thực hiện vai trò của trí thức còn rất nhiều hạn chế, tiềm năng của đội ngũ này chưa được khai thác hết. Điều này gián tiếp dẫn tới những hạn chế trong tiến trình phát triển đất nước hiện nay.

Qua hơn 30 năm thực hiện quá trình đổi mới (1986 - 2019), nhưng Việt Nam vẫn là một nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Tổ chức Phát triển công nghiệp của Liên hợp quốc mới chỉ coi Việt Nam là nước có thành tựu đáng ghi nhận trên con đường công nghiệp hóa. Xét về mức độ công nghiệp hóa, Việt Nam lạc hậu khá xa so với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia,… Trong mười năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm. Tốc độ tăng trưởng trung bình 7,6% giai đoạn 1990 - 2000 không còn duy trì được sau đó, giảm xuống còn 6,8% giai đoạn 2001 - 2010 và giảm tiếp còn 5,8% giai đoạn 2011 - 2015. Mục tiêu tăng trưởng 6,5 - 7% cho giai đoạn 2016 - 2020 khó đạt được (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 76). Chất lượng,

hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lí xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng những thành quả của công cuộc đổi mới. Việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra. Mục tiêu này còn rất xa so với thực lực nền kinh tế hiện nay.

Để dẫn tới thực trạng đó có nhiều nguyên nhân, trong đó đội ngũ trí thức với tư cách là hạt nhân trong cơ cấu nguồn nhân lực xã hội chưa thực sự phát huy được vai trò là lực lượng sản xuất xã hội tiên phong. Có nhiều lí do dẫn tới điều đó. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích những bất cập trong giáo dục - đào tạo ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nhằm phát huy vai trò của trí thức trong bối cảnh phát triển của Việt Nam hiện nay.

2. Vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay

Giáo dục đại học Việt Nam đạt được những thành tựu đáng ghi nhận: 1) Giáo dục đại học Việt Nam đang hội nhập và dần tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Việc kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam ngày càng đáp ứng tiêu chuẩn giáo dục đại học trên thế giới, xếp hạng đại học ngày càng được cải thiện, đặc biệt có 2 trường đại học được lọt top 1000 trường đại học tốt nhất thế giới theo bảng xếp hạng QS (Lê Hà - Đức Huy, 2019); 2) Giáo dục đại học Việt Nam đã bước đầu tạo được sự đột phá và chuyển biến chất lượng theo yêu cầu và chuẩn trình độ quốc tế. Chất lượng công bố quốc tế, chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng người học được nâng lên đáng kể; 3) Đào tạo và bồi dưỡng nhân tài được chú trọng hơn và được triển khai ở nhiều hệ thống giáo dục đại học. Nhiều chương trình đào tạo cử nhân tài năng, kĩ sư tài năng thuộc các ngành khoa học tự nhiên - kĩ thuật hoặc công nghệ được xây dựng và bước đầu đã đào tạo ra bộ phận nguồn nhân lực chất lượng cao; 4) Giáo dục đại học Việt Nam có sự dịch chuyển mạnh mẽ các ngành nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Ở các trường đại học hiện nay xuất hiện nhiều ngành mới như an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, robotic, khoa học dữ liệu, công nghệ hàng không vũ trụ; các ngành tự động hóa, khoa học máy tính, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, công nghệ nano,... được giảng dạy và đào tạo ở nhiều trường đại học trong cả nước.

Tuy nhiên, giáo dục bậc cao của Việt Nam vẫn còn nhiều yếu kém. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng trí thức. Việt Nam vẫn thiếu chiến lược và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức cơ bản và lâu dài. Chiến lược đào tạo

trí thức, đào tạo nhân tài của quốc gia phải bao gồm đầy đủ các phương diện từ đầu tư phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo ngang tầm thế giới và khu vực; phát hiện, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nhân tài cho đến hệ thống chính sách phát triển khoa học, kĩ thuật và công nghệ gắn với thu hút và phát huy tiềm năng đội ngũ trí thức, đãi ngộ đối với trí thức. Ở Việt Nam hiện nay, các khâu đó còn rời rạc, chưa mang tính đồng bộ vì thế chưa có một chiến lược tổng thể để phát triển đội ngũ trí thức mang tầm quốc gia và thời đại. Hơn thế nữa, trong lĩnh vực đào tạo, hiện nay Việt Nam chưa có chính sách đồng bộ và hợp lí về phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài còn lúng túng và thiếu đồng bộ trong chính sách lựa chọn, cử cán bộ trẻ, sinh viên ưu tú đi đào tạo ở nước ngoài và sử dụng họ sau khi đào tạo; hiện tượng chảy máu chất xám đang ngày càng phổ biến hơn.

Sự yếu kém về chất lượng giáo dục đại học còn thể hiện ở chất lượng đầu vào và đầu ra của sinh viên đại học, cao đẳng. Với số lượng trường đại học nhiều như Việt Nam hiện nay, hầu hết học sinh tốt nghiệp cấp trung học phổ thông đều dễ dàng trở thành sinh viên các trường đại học. Tính đến tháng 12/2018, cả nước đã có 472 trường đại học, cao đẳng (trong khi quy hoạch của Chính phủ là đến năm 2020, Việt Nam sẽ có 460 trường) (Hồng Hạnh, 2018). Từ năm 2007 - 2013, đã có 133 trường đại học, cao đẳng được thành lập. Trong đó, có tới 108 trường được nâng cấp từ trung cấp lên cao đẳng hoặc từ cao đẳng lên đại học. Việc nâng cấp trường ồ ạt đã gây ra nhiều hệ lụy. Một số trường đại học, cao đẳng không kịp trang bị cơ sở vật chất, tuyển không đủ giảng viên. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và đào tạo, năm học 2016 - 2017, tổng số giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học là 72.792 người, trong đó có 574 giảng viên có chức danh giáo sư (chiếm 0,8%), 4.113 phó giáo sư (chiếm 6,4%), 16.514 tiến sĩ (chiếm 22,7%) và 43.127 thạc sĩ (Hồng Hạnh, 2018).

Sự cạnh tranh số lượng tuyển sinh dẫn tới điểm chuẩn đầu vào ở các trường đại học ngày càng thấp, ngay cả những học sinh có học lực trung bình, thậm chí yếu cũng có thể trở thành sinh viên các trường đại học, nhất là các trường đại học ở các địa phương, các trường đại học nhỏ, mới mở. Chất lượng đầu vào thấp dẫn tới tình trạng sinh viên không đủ khả năng để tiếp nhận các kiến thức ở bậc đại học, cộng với sự dễ dãi, yếu kém trong chất lượng đào tạo, thi cử, các sinh viên này vẫn tốt nghiệp đại học dù chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp. Chính điều này đã khiến sinh viên ra trường không tìm được việc làm. Cả nước hiện có tới 126.900 cử nhân thất nghiệp (Hoàng Mạnh, 2012). Một thực tế là khoảng 50% số sinh viên tốt nghiệp đại học đã không thể tìm được việc làm phù hợp với chuyên môn của họ. Riêng với ngành công nghệ thông tin, thực tế khảo sát trong số 35.000 cử nhân ra trường thì chỉ có 30% làm việc được ngay, có việc làm đúng nghề (Hoàng Mạnh, 2012). Điều đó cho thấy, giữa đào tạo và nhu cầu

sử dụng lao động của xã hội còn cách nhau rất xa. Rất nhiều sinh viên khi ra trường không tìm được việc, một số đi làm công việc trái chuyên môn, một số khác, rất đáng buồn - lại đi học ở cấp cao hơn, nhưng có người học xong thạc sĩ vẫn không xin được việc, và cuối cùng lại học một nghề nào đó để kiếm sống, hoặc quay trở về nông thôn đi làm ruộng, đi làm công nhân các nhà máy, hay đi làm những công việc chân tay khác.

Các trường đại học trong nước có chất lượng thấp về đào tạo, về nghiên cứu khoa học, khoảng cách rất xa so với tiêu chuẩn một trường đại học đạt chuẩn trên thế giới. "Thật khó mà nói thêm nữa về sự nghiêm trọng của những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt trong giáo dục đại học. Chúng tôi cho là nếu không có những cải cách nhanh chóng và tận gốc dành cho giáo dục đại học, Việt Nam sẽ không thể phát huy tiềm năng to lớn của họ" (Đàm Đức Vượng, 2010, tr.100). "Việt Nam không có một trường đại học nào được công nhận. Không có một trường đại học nào được ghi nhận trên bất cứ bảng xếp hạng quen thuộc của các trường đại học châu Á. Về mặt này, Việt Nam thua kém cả các quốc gia Đông Nam Á, vì phần đông họ còn có thể giới thiệu được một số học viện có đẳng cấp. Đại học Việt Nam nói chung bị lọt ra ngoài dòng kiến thức quốc tế. Đại học Việt Nam không đào tạo được một lực lượng lao động có đủ trình độ đáp ứng cho nhu cầu kinh tế và xã hội Việt Nam" (Đàm Đức Vượng, 2010, tr. 100). Bảng xếp hạng của U.S. News năm 2019 có 80 nền giáo dục quốc gia được xếp hạng. Theo đó, top 10 theo thứ tự từ 1-10 gồm có Anh, Mĩ, Canada, Đức, Pháp, Úc, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Nhật Bản, Hà Lan; ở khu vực Đông Nam Á: Singapore xếp thứ 20, Malaysia (44), Thái Lan (53), Philippines (55), Indonesia (56), Việt Nam (65/80) (Reuters, 2019). Cụ thể hơn, bảng xếp hạng các trường đại học thế giới theo lĩnh vực của THE (Times Higher Education World University Rankings by subject), trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ, Việt Nam chỉ có 3 cơ sở đào tạo được lọt vào bảng xếp hạng, nhưng vị trí còn khiêm tốn. Trong đó, Đại học Bách khoa được xếp vị trí nhóm trường từ 301 - 400, Đại học Quốc gia Hà Nội được xếp trong nhóm từ 401 - 500, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh trong nhóm từ 601 - 800 (Quý Hiên, 2019).

Mặt khác, giáo dục đại học của Việt Nam đang có nhiều vấn đề, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Đó là những bất cập trong phương pháp, lỗi thời trong nội dung và lạc hậu trong các thiết bị, phương tiện dạy học. Đặc biệt là ở bậc đào tạo đại học và cao đẳng, kiến thức nhiều môn học đã lạc hậu, không phù hợp với xu thế hội nhập toàn cầu của thời đại. Vấn đề giáo trình giảng dạy trong các trường đại học ở Việt Nam là một vấn đề bức xúc. Hầu hết kiến thức các môn học đều đã không còn phù hợp, không phản ánh được tốc độ thay đổi của tri thức nhân loại. Chương trình học còn

rườm rà, dẫn tới việc cắt xén kiến thức chuyên ngành - vốn là những môn học trang bị kĩ năng nghề nghiệp cho người học. Công ty Intel của Mĩ khi đầu tư vào Việt Nam đã thực hiện cuộc tuyển kĩ sư làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh. Có 2000 sinh viên học ngành công nghệ thông tin (IT) dự thi thì chỉ có 90 ứng viên (5%) đạt tiêu chuẩn. Trong số đó, chỉ có 40 người đạt trình độ tiếng Anh để tuyển dụng. Công ty này đã nhận xét, đây là kết quả tồi tệ nhất mà họ gặp phải khi họ đầu tư vào các nước (Thy Hằng, 2018). Cũng bởi vì vậy, có một thực tế rất trớ trêu là trong khi thị trường lao động đang có nhu cầu cao về lao động trình độ cử nhân trở lên thì số lượng cử nhân thất nghiệp ngày càng tăng. Một trong những nguyên nhân dẫn tới nghịch lí đó, theo nhiều doanh nghiệp, là do một bộ phận lớn sinh viên còn thiếu nhiều kiến thức và kĩ năng làm việc, tìm việc. Thông tin từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê cho thấy, gần 94% sinh viên mới tốt nghiệp cần được đào tạo lại để có thể đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng và doanh nghiệp (Thy Hằng, 2018). Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng của sinh viên được đào tạo trong 5 năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp tại 60 doanh nghiệp tại Tp. Hồ Chí Minh cũng cho thấy chỉ có 5% tổng số sinh viên tham gia khảo sát được đánh giá ở mức độ tốt, trong khi có tới 40% ở mức độ không đạt (Thy Hằng, 2018).

Bên cạnh sự yếu kém trong chất lượng giáo dục đại học, công tác đào tạo sau đại học cũng còn nhiều bất cập. Sự dễ dãi, buông lỏng trong công tác quản lí sau đại học cùng với những bất cập trong công tác tuyển sinh, chương trình đào tạo làm cho chất lượng đào tạo sau đại học ở Việt Nam nhìn chung còn thấp. Tình trạng chạy bằng, mua bằng, viết thuê đề tài, luận văn không phải là chuyện hiếm; mua bán chứng chỉ, bài báo diễn ra nhiều nơi, hoặc có người tự viết nhưng lại sao chép một cách thô thiển công trình của người khác,…Chính vì thế, có rất nhiều người được mang danh trí thức nhưng thực sự kiến thức chuyên môn hạn chế, hiểu biết xã hội hạn hẹp và vì vậy, dẫn tới thái độ coi thường của xã hội đối với người trí thức. Trong khi đó, một bộ phận lớn các trí thức khi hoàn thành các bậc học nâng cao trình độ thường chuyển sang làm công tác quản lí gây ra tình trạng thâm hụt đội ngũ trí thức làm chuyên môn trong xã hội, đặc biệt là thiếu các chuyên gia đầu ngành.

Những bất cập trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những hạn chế, bất cập của đội ngũ trí thức và việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức hiện nay. Bởi đội ngũ trí thức không thể thực hiện được vai trò của mình một cách trọn vẹn và thành công khi bản thân nó còn nhiều hạn chế. Trong khi những hạn chế đó lại được tạo ra một cách trực tiếp từ chính chất lượng của hệ thống giáo dục đại học và sau đại học. Không phải Việt Nam không nhận thức được điều này mà Nhà nước đã nhận thức rất cụ thể những hạn chế, yếu kém đó;

đã thực hiện nhiều cải cách, đổi mới để nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, những cải cách, đổi mới cho đến nay vẫn chưa đưa nền giáo dục của Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng trầm trọng và giáo dục Việt Nam vẫn là một trong những nền giáo dục yếu kém nhất của khu vực và thế giới. Muốn có sự đột phá trong chiến lược phát triển, nếu không có những đột phá trong giáo dục mà chỉ dừng lại ở những cải cách mang tính thời vụ, giải quyết hiện tượng mà không giải quyết được nguyên nhân, thay đổi được bản chất như hiện nay thì chúng ta khó có thể xây dựng được một nguồn nhân lực phát triển nói chung và đội ngũ trí thức nói riêng.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển của Việt Nam hiện nay

Bước vào thời kì hội nhập, thời kì mà trong đó đổi mới tư duy là tiền đề, động lực cho sự nghiệp hội nhập toàn diện đất nước, sự nghiệp đòi hỏi trí tuệ Việt Nam phải được phát huy và tỏa sáng, vấn đề cải cách, nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đã được Nhà nước Việt Nam đặc biệt coi trọng. Quan điểm coi "phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr. 77) trở thành quan điểm chỉ đạo nhất quán của Việt Nam từ sau năm 1986 đến nay. Chỉ tính riêng ngân sách Nhà nước đầu tư cho giáo dục, đào tạo đã tăng liên tục từ 15,5% năm 2001 lên 20% năm 2007 (Hồng Phúc, 2009) và duy trì ở mức 20% tổng chi ngân sách cho đến năm 2018. Có thể thấy số liệu cụ thể hơn trong giai đoạn từ năm 2013 - 2018 qua bảng sau:

Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục - đào tạo

Đơn vị tính: tỉ đồng

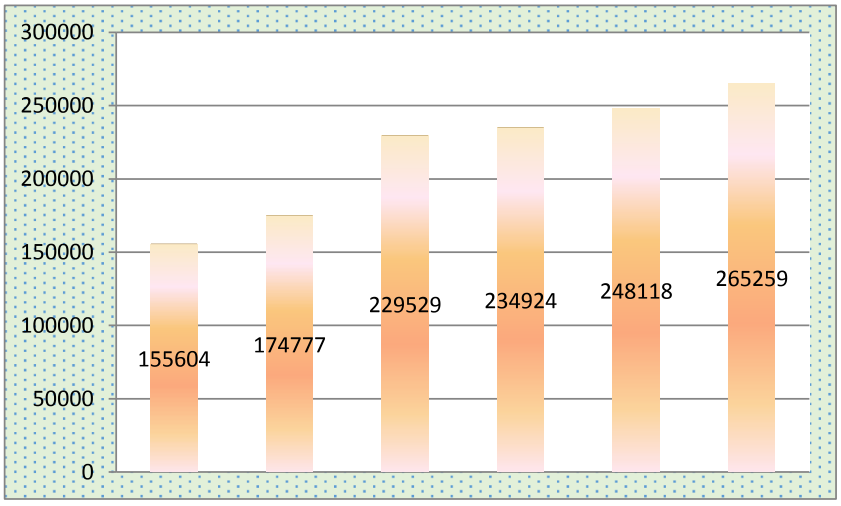

Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam, 2019.

Với quyết tâm đó của Việt Nam, nền giáo dục trong nước đã đạt được những thành tựu nhất định, đặc biệt là giáo dục bậc cao. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển hội nhập mạnh mẽ như hiện nay, nền giáo dục của Việt Nam vẫn còn rất nhiều hạn chế, đặc biệt là trong giáo dục ở bậc cao - bậc học trực tiếp đào tạo ra đội ngũ trí thức. Muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài trong giai đoạn hiện nay cần thực hiện một số giải pháp chính sau đây:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay.

Theo chúng tôi, đây là giải pháp đầu tiên cần thực hiện nhanh chóng trong nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và bồi dưỡng đội ngũ trí thức hiện nay. Để xây dựng và phát triển được đội ngũ trí thức mang tầm trí tuệ của thời đại không thể là công việc được thực hiện trong thời gian ngắn mà là kết quả của cả một chiến lược lớn được thực hiện lâu dài với sự nhất quán về đường lối và chính sách từ các cấp chính quyền. Cho đến nay, việc đào tạo đội ngũ trí thức, nhân tài cho xã hội còn mang tính manh mún và tự phát mà chưa hình thành một chiến lược tổng thể và dài hạn. Điều đó đặt ra những thách thức về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao - vốn là yếu tố đảm bảo sự thành công trong quá trình hội nhập của đất nước thời gian tới. Để làm được điều đó, cần phải xây dựng một hệ thống giáo dục toàn diện, có chất lượng cao nhưng đồng thời cần phải tạo dựng được bộ phận nhân tài cho đất nước. Việc thực hiện cải cách giáo dục từng phần như hiện nay thực tế không mang lại những hiệu quả to lớn trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong giáo dục là hết sức cấp bách. Phải cải cách triệt để cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, hệ thống giáo dục, đến phương thức tổ chức và quản lí giáo dục. Giáo dục phải nhằm vào việc đào tạo những con người bản lĩnh và có năng lực, có tư duy độc lập, năng động và sáng tạo, có tiềm năng phát triển, không ngừng vươn lên đóng góp nhiều nhất cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời đại toàn cầu hóa. Bốn mục tiêu của giáo dục mà tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã tổng kết cần được quán triệt hơn nữa, đó là giáo dục để tạo ra những con người vừa có tri thức lại vừa có nhân cách, học để biết, để làm, để cống hiến cho xã hội và để khẳng định bản thân.

Quá trình chuyển trọng tâm của giáo dục từ người dạy sang người học cần phải được thực hiện triệt để hơn nữa. Mục tiêu từ truyền thụ kiến thức phải chuyển sang bồi dưỡng và rèn luyện phương pháp tư duy, cách giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, khả năng tự đào tạo, khả năng thích nghi với sự phát triển. Phương pháp giáo dục phải kiên quyết nói không với phương pháp thụ động, thầy giảng trò chép mà phải là quá trình tự nghiên cứu của người học dưới sự

hướng dẫn của người dạy. Đặc biệt, nội dung của chương trình học cần phải có sự cập nhật tri thức mới của nhân loại, kiên quyết loại bỏ những tri thức đã lỗi thời, không còn phù hợp và bổ sung những tri thức mới. Quá trình đó không phải là sự đem đến của người dạy một cách thụ động mà đồng thời còn là quá trình tự chủ động tìm tòi của người học. Và vì thế, quá trình đào tạo cũng chính là quá trình tự đào tạo của chính người học. Không những thế, mô hình học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập là một xu thế cần được nhân rộng trong bối cảnh tri thức nhân loại tăng lên theo cấp số nhân như hiện nay. Theo đó, nhà trường đào tạo những kĩ năng cơ bản để người học khi ra trường có thể vừa lao động vừa học tập suốt đời, có thể là qua trường học, qua mạng internet,…

Một mặt phải nâng cao toàn diện chất lượng nền giáo dục nước nhà, nhưng mặt khác cần xây dựng một chiến lược rõ ràng trong việc đào tạo đội ngũ nhân tài cho đất nước. Nhân tài có thể được hiểu là bộ phận những người lao động có sự hiểu biết sâu rộng, có đạo đức trong sáng, có khả năng lao động với hiệu quả vượt trội, giúp cộng đồng nâng cao năng suất lao động, chất lượng cuộc sống. Nhân tài vừa là lực lượng quan trọng trong tiến trình kiến thiết đất nước, còn là tấm gương lôi cuốn và kích thích các tầng lớp lao động khác trong xã hội tham gia vào quá trình phát triển đất nước. Xây dựng được đội ngũ nhân tài hùng mạnh là nhân tố quan trọng đảm bảo sự thắng lợi của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Để xây dựng được bộ phận nhân tài cho đất nước cần phải thực hiện những chiến lược về tìm kiếm, phát hiện và bồi dưỡng từ những học sinh ưu tú ở các cấp học phổ thông, học sinh đạt giải cao trong các kì thi quốc gia và quốc tế, học sinh đạt điểm cao trong các kì thi đại học và cả các sinh viên đạt thành tích học tập cao trong suốt quá trình học đại học ở trường. Khi phát hiện được các nhân tố tài năng cần có sự ưu tiên, tập trung đầu tư, tuyển lựa tham gia các chương trình đào tạo cử nhân tài năng trong nước và gửi đi đào tạo nâng cao ở các nước phát triển. Mặt khác, không để hiện tượng "chảy máu chất xám", tức là bộ phận nhân tài sau khi được đào tạo sẽ quay trở về cống hiến cho đất nước thì cần có những chính sách đãi ngộ phù hợp, tương xứng với tài năng của họ. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn tới hiện tượng nhân tài rời bỏ quê hương để sinh sống và làm việc ở các quốc gia khác là môi trường làm việc, tức là "đất dụng võ" của họ. Khi người tài đã được đào tạo với trình độ và kĩ năng cao, họ cần môi trường để thực hành những hiểu biết và kinh nghiệm đó. Khi họ cảm thấy tài năng của họ đang bị lãng phí, hầu hết họ đều lựa chọn phương án ra đi (nếu có cơ hội). Muốn tài năng của nhân tài được phát huy thì một điều kiện rất quan trọng là phải đầu tư ngân sách thỏa đáng cho giáo dục. Khi xã hội đầu tư thỏa đáng cho giáo dục, nhân tài có cơ hội

bộc lộ khả năng. Để nhân tài ngày càng nảy nở tài năng, họ cần có những điều kiện làm việc, thực hành hiện đại. Vì thế, việc xây dựng, hiện đại hóa trang thiết bị, dây chuyền khoa học và công nghệ mới, các phương tiện vật chất phục vụ cho quá trình nghiên cứu, làm việc của nhân tài là điều hết sức quan trọng để nhân tài phát huy được tài năng và trí tuệ của mình. Khi trí tuệ và tài năng của họ được phát huy, nhân tài sẽ gắn bó với công việc được giao. Đó là điều hết sức quan trọng trong bối cảnh "chảy máu chất xám" đang ngày càng phổ biến hiện nay.

Thứ hai, nâng cao chất lượng giáo dục đại học và sau đại học.

Sự phát triển của nhân loại đang tạo ra những thách thức to lớn cho các trường đại học. Khi mạng internet ra đời và trở thành phổ biến, sự phổ cập máy tính ngày càng mạnh mẽ, người học có thể tự học, tự nghiên cứu mà không cần đến trường đại học. Mặt khác, với yêu cầu học tập suốt đời mà xã hội đặt ra, người lao động phải không ngừng tự trau dồi kiến thức, tự đào tạo lại ở bên ngoài trường đại học. Đó là những thách thức lớn đến vai trò và vị trí của trường đại học trong bối cảnh hiện nay. Mặc dù vậy, nhưng "vì tri thức đã trở thành động lực kinh tế thống lĩnh nên tầm quan trọng của các viện đại học chỉ có thể gia tăng và tầm ảnh hưởng của nó càng lớn mạnh trong thiên niên kỉ mới" (Frank H. T. Rhodes, 2009, tr. 18). Thiết chế để tạo nên con người có giáo dục là toàn bộ hệ thống giáo dục, nhưng trong đó, giáo dục đại học có vai trò đặc biệt quan trọng. Các trường đại học ngày nay vừa là một thiết chế thực hiện chức năng "sản sinh tri thức" đồng thời là thiết chế thực hiện chức năng "sản xuất ra năng lực trí tuệ", tức các nhà sản xuất tri thức tương lai, nó là "đại bản doanh" của cả "nghiên cứu" lẫn "khoa học", đồng thời về mặt xã hội, nó là "nơi chốn truy vấn trọn vẹn và thẳng thắn, nơi sử dụng trí tuệ để giải quyết những vấn đề nhân sinh" (Frank H. T. Rhodes, 2009, tr. 17). Dù xã hội có thay đổi đến thế nào thì "Các trường đại học chính là nơi gìn giữ những kinh nghiệm của loài người, ở một mức độ không ai sánh bằng; là nơi bảo hộ và truyền đạt những điều tinh túy đã từng được suy nghĩ và được viết ra, đã được nói và được thực hiện; là hiện thân của tinh thần cởi mở, sự thảo luận có tính cách duy lí, và sự thể nghiệm. Đó còn là nơi phê phán chính cái vốn kiến thức mà họ bảo tồn và chính cái xã hội nuôi dưỡng họ. Chưa hết, các trường đại học còn chính là nơi sáng tạo ra tri thức mới, cái nhìn tươi mới, những kĩ thuật tiên tiến và những cách tiếp cận sáng tạo" (Frank H. T. Rhodes, 2009, tr. 23).

Với vai trò to lớn đó, xã hội cần có những giải pháp cần thiết để phát triển giáo dục đại học. Việc tăng quy mô và mở rộng mạng lưới giáo dục đại học là điều tất yếu để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao - là một trong ba khâu đột phá chiến lược để phát triển đất nước hiện nay. Thực tế, quy mô giáo dục đại học Việt Nam đã tăng lên đáng kể, đặc biệt là trong những năm gần đây. Tuy nhiên,

việc tăng ồ ạt số trường đại học mà không kèm theo những yêu cầu gắt gao về chất lượng đã dẫn đến tình trạng đào tạo nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Vì thế, việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đại học hiện nay phải kèm theo những yêu cầu về chất lượng.

Muốn nâng cao chất lượng giáo dục đại học, yếu tố căn bản nhất là phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo quy chuẩn quốc tế. Mục tiêu của đào tạo đại học là tạo ra những người lao động có khả năng lao động sáng tạo, khả năng thích nghi với yêu cầu mới của công việc chứ không chỉ dừng lại ở việc đào tạo ra những người lao động có kiến thức. Bởi kiến thức của nhân loại tăng lên liên tục, không có một nền giáo dục nào có thể giữ tham vọng cung cấp đủ kiến thức cho người học hiện nay. Vì thế, sứ mệnh của giáo dục đại học là tạo ra kĩ năng lao động, kĩ năng tự học để người học có thể tồn tại, thích nghi được với những điều kiện mới mà họ gặp phải. Muốn vậy, thực hiện triệt để những đổi mới về mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục đại học là việc tất yếu mà các trường đại học cần phải thực hiện. Trong đó, theo chúng tôi, việc đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy của các trường đại học ở Việt Nam là nhiệm vụ cấp thiết nhất bởi sự lạc hậu của chúng hiện nay so với tri thức mới của giáo dục thế giới. Nội dung, chương trình giảng dạy ở đại học cần phải được chuẩn hóa, hiện đại hóa theo những quy chuẩn mà giáo dục đại học thế giới đang thực thi, cần loại bỏ những môn học, những kiến thức rườm rà, lạc hậu và thay mới bằng các môn học chuyên sâu, cập nhật. Đặc biệt, cần có sự đổi mới trong cách thức tổ chức quản lí, dạy và học các môn lí luận chính trị. Theo chúng tôi, nên đưa các môn học này trở thành các môn học bồi dưỡng lí luận chính trị, được tổ chức dạy, học độc lập với chương trình học của sinh viên, không đưa vào kết quả môn học của mỗi sinh viên mà trở thành môn điều kiện tốt nghiệp. Thay vào đó, bổ sung thêm các môn học thuộc chuyên ngành đào tạo để nâng cao kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Đây là việc cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học hiện nay. Thực hiện giải pháp này sẽ góp phần giải quyết tình trạng sinh viên ra trường nhưng lại không đủ kiến thức chuyên ngành, kĩ năng nghề nghiệp trong lao động trong khi lại tốn quá nhiều thời gian cho việc học các môn lí luận chính trị. Việc triển khai thực hiện giải pháp này là một công việc khó, đòi hỏi sự quyết tâm cao và nhiều công phu trong quá trình tổ chức trên quy mô quốc gia. Không chỉ là công việc của Bộ Giáo dục và đào tạo mà còn là sự quyết tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thay đổi cách thức tổ chức quản lí chương trình, giảng viên của các trường đại học.

Tiếp đến cần nâng cao công tác tổ chức quản lí trong giáo dục đại học. Cần phải xóa bỏ cách thức quản lí giáo dục đại học theo kiểu hành chính tập trung

sang quản lí chất lượng và các điều kiện bảo đảm, được thể chế hóa và chuẩn hóa. Cần trao quyền tự chủ rộng rãi cho các trường đại học. Tăng cường công tác dự báo, đổi mới công tác xây dựng kế hoạch và quy hoạch phát triển giáo dục ở bậc cao đẳng, đại học. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đổi mới cơ bản việc đánh giá kết quả học tập, thi cử, tuyển sinh. Quản lí chặt chẽ các loại hình đào tạo, nhất là hệ đào tạo từ xa, vừa làm vừa học.

Hơn thế nữa, cần có sự kết nối mạnh mẽ hơn nữa giữa trường đại học, viện nghiên cứu với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, bằng cách tăng cường hoạt động thực nghiệm, thực tập cho sinh viên, học viên tại các cơ sở sản xuất ngay trong quá trình học để tăng khả năng thực hành cho người học, tránh việc học ở trường xa rời với yêu cầu của công việc mà xã hội cần. Cho đến nay, ở Việt Nam chỉ một số ít trường đại học làm được điều này (như đại học FPT), dù đây là một nội dung quan trọng để đảm bảo chất lượng đào tạo cho các trường.

Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục đại học và sau đại học.

Để tạo ra những người lao động có khả năng thích ứng và đáp ứng được yêu cầu cao của thị trường lao động quốc tế, người lao động cần được đào tạo từ một môi trường đào tạo chuyên nghiệp, có chất lượng cao, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, hay nói cách khác, cần phải xây dựng được một số trường đại học đạt chuẩn quốc tế. Đây vừa là nhiệm vụ vừa là giải pháp cần thiết để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thời đại hội nhập hiện nay.

Việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục đại học và sau đại học với việc xây dựng các trường đại học đạt chuẩn quốc tế là hai việc có quan hệ tương hỗ nhau. Các trường đại học trong nước không thể tự vươn lên thành các trường đạt chuẩn quốc tế khi không có sự liên kết, hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới. Việc tăng cường hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới sẽ giúp cho việc trao đổi kinh nghiệm đào tạo, tiếp cận các chương trình đào tạo tiên tiến, kinh nghiệm quản lí cho các trường trong nước. Cho đến nay, các trường đại học trong nước đều đã thực hiện những chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới, tuy nhiên phạm vi trao đổi mới chỉ dừng lại ở việc gửi học sinh ưu tú của Việt Nam đến đào tạo ở các nước phát triển; một số chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học, hay mời một số chuyên gia trên thế giới đến Việt Nam giảng dạy và trao đổi,… Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh tích cực hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt là ở một số ngành công nghệ mới, mũi nhọn sao cho việc trao đổi đào tạo diễn ra một cách dễ dàng, tạo cơ hội cho nhiều sinh viên được học tập ở các môi trường giáo dục tiên tiến trong một thời gian nhất định trong tiến trình học đại học của họ (ví dụ 3 năm học ở Việt Nam, 1 năm học ở nước ngoài;

hay 2 năm học ở Việt Nam và 2 năm học ở nước ngoài,…). Giải pháp này là một giải pháp hữu hiệu và khả thi trong điều kiện còn khó khăn của Việt Nam hiện nay. Hơn thế nữa, việc hợp tác quốc tế trong thời gian tới cần phải hợp tác toàn diện để có thể xây dựng mới một số trường đại học Việt Nam đạt chuẩn quốc tế. Thực hiện điều này là hết sức khó khăn, bởi chi phí rất lớn, trong khả năng tài chính của Việt Nam rất khó để thực hiện, cộng với những yếu kém về chất lượng đội ngũ giảng viên, sự thiếu thốn hệ thống cơ sở vật chất cho giáo dục,… Vì vậy, muốn làm được điều này cần phải có quyết tâm từ đội ngũ các nhà lãnh đạo, quản lí, cộng thêm một lộ trình phù hợp và sự đầu tư thỏa đáng cho giáo dục. Việt Nam cần tham khảo cách làm, bước đi từ các nước đã từng thực hiện thành công như Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc, Đài Loan,… để xây dựng cho mình một lộ trình phù hợp và ngắn nhất có thể, nhanh chóng đưa nền giáo dục nước nhà hội nhập với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương. 2016. *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật. Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2019. *Số liệu thống kê giáo dục và đào tạo năm học 2017 - 2018*. (Tài liệu lưu hành nội bộ).
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
4. Frank H. T. Rhodes. 2009. *Tạo dựng tương lai - Vai trò của các viện đại học Hoa Kì*. Nxb. Văn hóa Sài Gòn. Tp. Hồ Chí Minh.
5. Lê Hà - Đức Huy. 2019. "Giáo dục đại học qua 5 năm thực hiện Nghị quyết 29/NQ-T.Ư", (https://nhandan.com.vn/giaoduc/item/38763902-giao-duc-dai-hoc-qua-5-nam-thuc-hien-nghi-quyet-29-nq-t-u.html).
6. Lương Đình Hải. 2012. "Xây dựng nguồn lực lao động chất lượng cao". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 3 (60).
7. Lương Đình Hải. 2012. "Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 6 (63).
8. Lương Đình Hải. 2016. "Phát huy vai trò của trí thức - bộ phận quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta trong giai đoạn hiện nay". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 4 (85).
9. Lương Đình Hải. 2018. "Cách mạng khoa học - công nghệ với giáo dục, đào tạo và phát triển nhân lực ở Việt Nam hiện nay". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 6 (99).

10. Hồng Hạnh. 2018. "Có tới 13.000 giảng viên đại học có trình độ đại học", (https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/con-toi-13000-giang-vien-dai-hoc-co-trinh-do-dai-hoc-20181107080328417.htm).
11. Thy Hằng. 2018. "Doanh nghiệp đau đầu vì cử nhân thiếu đủ thứ", (https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/doanh-nghiep-dau-dau-vi-cu-nhan-thieu-du-thu-20181213155835748.html).
12. Quý Hiên. 2019. "Việt Nam có 3 đại học vào bảng xếp hạng thế giới theo lĩnh vực của THE", (https://thanhnien.vn/giao-duc/viet-nam-co-3-dai-hoc-vao-bang-xep-hang-the-gioi-theo-linh-vuc-cua-the-1137921.html).
13. Thùy Linh. 2018. "Việt Nam đã vượt số lượng trường đại học theo mục tiêu đề ra", (https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/viet-nam-da-vuot-so-luong-truong-dai-hoc-theo-muc-tieu-de-ra-post193670.gd).
14. Hoàng Mạnh. 2018. "Cả nước có 126.900 thạc sĩ, cử nhân thất nghiệp", (https://dantri.com.vn/viec-lam/ca-nuoc-co-126900-cu-nhan-thac-si-that-nghiep-20180919185207034.htm).
15. Reuters. "Best coutries for education 2019", (https://www.usnews.com/news/best-countries/best-education).
16. Thông tấn xã Việt Nam. 2019. "Đầu tư phát triển giáo dục đào tạo luôn được chú trọng", (https://infographics.vn/dau-tu-phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-luon-duoc-chu-trong/13915.vna).
17. Minh Thu. 2019. "Việt Nam chi 5,8% GDP cho giáo dục", (https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/viet-nam-chi-58-gdp-cho-giao-duc-20190122195243783.htm).
18. Hà Thị Thu Thủy. 2020. "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ". 2020, (http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nang-cao-chat-luong-nguon-nhan-luc-khoa-hoc-cong-nghe-68910.htm).
19. Dương Tâm. 2019. "Sinh viên công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu", (https://vnexpress.net/giao-duc/sinh-vien-cong-nghe-thong-tin-chua-dap-ung-yeu-cau-3902422.html).
20. Nguyễn Thanh Tú. 2016. "Không thể phủ nhận những thành tựu của giáo dục Việt Nam", (https://www.qdnd.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/khong-the-phu-nhan-thanh-tuu-cua-giao-duc-viet-nam-486984).
21. Đàm Đức Vượng. 2010. "Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020". Đề tài KX. 04.16 06 -10 tháng 6.